

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN**  
**CỬU LONG AN GIANG**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 45
8. Phụ lục 01	46

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0296) 3.931.000 – 3.932.821
- Fax : (0296) 3.932.446

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh); Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...); Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản; Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì; Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin); Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc; Sản xuất bao bì; Cho thuê kho lạnh; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

### Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2013
2. Ông Trần Văn Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2017
3. Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2013
4. Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
5. Ông Huỳnh Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
6. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2017

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
1. Ông Phù Chí Khai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2014
2. Ông Nguyễn Tấn Tới	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2013
3. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2013

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 11 năm 2007
2. Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 10 năm 2007
3. Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 3 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Vân Loan – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2013).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Thị Vân Loan**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2018





**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,  
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 1.0643/18/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Hòa - Phó Tổng Giám đốc  
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Nguyễn Quốc Ngữ - Kiểm toán viên  
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>679.742.386.633</b>	<b>698.516.793.597</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>47.237.541.642</b>	<b>32.803.065.481</b>
1. Tiền	111		47.237.541.642	32.803.065.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>335.770.601.797</b>	<b>283.762.381.963</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	226.736.810.405	191.263.102.773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.151.584.938	3.377.708.215
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	90.070.770.036	87.990.632.434
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	10.517.635.353	13.680.161.577
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.706.198.935)	(12.549.223.036)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>247.344.037.386</b>	<b>335.280.072.895</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	247.344.037.386	335.280.072.895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.390.205.808</b>	<b>46.671.273.258</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.047.661.466	730.322.548
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.342.355.142	45.802.476.256
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	189.200	138.474.454
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>318.083.451.032</b>	<b>332.453.763.210</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>249.315.000</b>	<b>249.865.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	249.315.000	249.865.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>242.405.515.116</b>	<b>257.070.593.061</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	198.740.356.267	211.371.059.128
- Nguyên giá	222		370.217.767.767	355.701.939.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.477.411.500)	(144.330.880.360)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	43.665.158.849	45.699.533.933
- Nguyên giá	228		58.779.410.862	58.779.410.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.114.252.013)	(13.079.876.929)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.234.702.564</b>	<b>6.136.127.214</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	6.234.702.564	6.136.127.214
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>61.596.463.043</b>	<b>61.596.463.043</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(2.003.536.957)	(2.003.536.957)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.597.455.309</b>	<b>7.400.714.892</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.955.069.636	7.107.778.260
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	642.385.673	292.936.632
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>997.825.837.665</b>	<b>1.030.970.556.807</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>639.210.281.264</b>	<b>690.798.821.835</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>606.336.148.003</b>	<b>640.580.734.584</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	27.903.137.578	20.183.061.458
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.445.383.601	5.031.738.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	743.092.399	8.528.834
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7.261.863.778	6.777.946.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.799.466.116	4.998.305.367
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.155.901.819	2.433.810.114
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	555.725.443.585	599.118.599.398
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	301.859.127	2.028.744.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.874.133.261</b>	<b>50.218.087.251</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	32.874.133.261	50.218.087.251
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

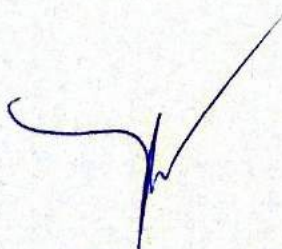
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>358.615.556.401</b>	<b>340.171.734.972</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>358.615.556.401</b>	<b>340.171.734.972</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	227.996.750.000	227.996.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		227.996.750.000	227.996.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	15.520.224.200	15.520.224.200
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	13.724.355.427	13.724.355.427
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	101.374.226.774	82.930.405.345
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.930.405.345	82.930.405.345
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		18.443.821.429	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>997.825.837.665</b>	<b>1.030.970.556.807</b>

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2018



**Trương Minh Duy**  
Người lập



**Trương Minh Duy**  
Kế toán trưởng



**Trần Thị Vân Loan**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.085.658.143.360	1.210.542.440.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.671.500.064	2.107.599.380
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.082.986.643.296	1.208.434.841.145
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	944.071.430.113	1.063.411.205.818
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		138.915.213.183	145.023.635.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.255.383.609	19.634.034.352
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	43.262.861.733	50.450.482.915
Trong đó: chi phí lãi vay	23		42.047.372.035	48.309.728.251
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	56.635.736.059	60.067.317.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	29.400.915.879	28.462.733.938
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.871.083.121	25.677.135.513
11. Thu nhập khác	31	VI.8	217.475.589	3.790.250
12. Chi phí khác	32	VI.9	501.086.141	1.531.188.243
13. Lợi nhuận khác	40		(283.610.552)	(1.527.397.993)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.587.472.569	24.149.737.520
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1.493.100.181	364.953.708
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(349.449.041)	220.918.341
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.443.821.429	23.563.865.471
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	-	-

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2018

  
 Trương Minh Duy  
 Người lập

  
 Trương Minh Duy  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Thị Vân Loan  
 Tổng Giám đốc


Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.587.472.569	24.149.737.520
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11	29.180.906.224	28.536.266.913
- Các khoản dự phòng	03	V.7	1.468.523.213	171.757.107
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	158.631.307	(1.861.914.768)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(7.316.045.310)	(13.482.848.735)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	42.047.372.035	48.309.728.251
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85.126.860.038	85.822.726.288
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.492.772.726)	91.865.488.955
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.8	87.936.035.509	(46.161.632.213)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.353.594.015	(24.848.997.496)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(164.630.294)	(4.346.469.988)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(42.260.928.328)	(48.320.043.938)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(618.570.289)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(1.726.885.000)	(1.166.387.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>80.152.702.925</b>	<b>52.844.684.608</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12	(14.614.403.629)	(24.656.834.025)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(71.400.000.000)	(48.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	69.319.862.398	41.959.367.566
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	11.772.345.432	3.867.091.672
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(4.922.195.799)</b>	<b>(27.130.374.787)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	1.382.376.346.513	1.621.966.743.321		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(1.443.170.191.316)	(1.645.512.653.925)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.039.805.000)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(60.793.844.803)</b>	<b>(34.585.715.604)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>14.436.662.323</b>	<b>(8.871.405.783)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>32.803.065.481</b>	<b>41.661.116.439</b>		
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(2.186.162)</b>	<b>13.354.825</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>47.237.541.642</b>	<b>32.803.065.481</b>		

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2018

  
 Trương Minh Duy  
 Người lập

  
 Trương Minh Duy  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Thị Vân Loan  
 Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Cấu trúc Công ty**

###### **Công ty con**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á có trụ sở chính tại lô B, khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến và nuôi trồng thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.111 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.396 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CÙU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, lắp đặt. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa, lắp đặt*

Chi phí sửa chữa, lắp đặt phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 13. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 16. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### 22. Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.209.931.536	1.728.229.670
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.027.610.106	31.074.835.811
Cộng	<u>47.237.541.642</u>	<u>32.803.065.481</u>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á <sup>(1)</sup>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>(2.003.536.957)</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>(2.003.536.957)</i>
Công ty Cổ phần Tô Châu <sup>(1)</sup>	3.600.000.000	(2.003.536.957)	3.600.000.000	(2.003.536.957)
Cộng	<u>63.600.000.000</u>	<u>(2.003.536.957)</u>	<u>63.600.000.000</u>	<u>(2.003.536.957)</u>

- <sup>(1)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601269529 thay đổi lần 9 ngày 10 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á 60.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tô Châu.

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.003.536.957	1.978.442.889
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	25.094.068
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.003.536.957</u></b>	<b><u>2.003.536.957</u></b>

### Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán thức ăn	52.885.120.000	85.933.426.000
Bán cá nguyên liệu	18.736.768.745	11.262.068.740
Bán thành phẩm	1.444.410.000	-
Mua cá nguyên liệu	54.351.882.390	72.560.560.290
Thuê gia công và đóng cont	42.790.749.260	61.912.158.444
Cho vay	71.400.000.000	48.300.000.000
Thu hồi tiền cho vay	(69.319.862.398)	(41.959.367.566)
Lãi cho vay	7.316.045.310	6.482.848.735
Lãi cho vay đã thu	(11.772.345.432)	(3.867.091.672)
Lợi nhuận được chia	-	7.000.000.000

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b><u>18.411.320.400</u></b>	<b><u>499.000.000</u></b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	18.411.320.400	-
Trần Tuấn Nam	-	499.000.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>208.325.490.005</u></b>	<b><u>190.764.102.773</u></b>
Frigorifico Jahu LTDA	-	6.708.080.000
Grupo Almos S.A.DEC.V	4.901.306.250	16.147.631.104
Quwat Albahr For Trading	50.226.895.641	77.931.531.200
Comercializadora Mexico Americana S .DE R.L DECV	33.469.836.135	8.499.324.800



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	8.913.011.250	8.934.640.000
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	22.189.035.000	6.679.680.000
Các khách hàng khác	88.625.405.729	65.863.215.669
<b>Cộng</b>	<b><u>226.736.810.405</u></b>	<b><u>191.263.102.773</u></b>

Toàn bộ công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 226.736.810.405 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phát	1.851.595.640	66.983.000
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	-	654.750.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thiên Lộc Phát	3.196.525.778	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Mê Kông	2.199.650.000	728.398.366
Các nhà cung cấp khác	1.972.462.820	996.226.149
<b>Cộng</b>	<b><u>10.151.584.938</u></b>	<b><u>3.377.708.215</u></b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Khoản cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á (là bên liên quan) vay với lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>7.000.000.000</b>	-	<b>11.456.300.122</b>	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á	7.000.000.000	-	11.456.300.122	-
- Lãi cho vay	-	-	4.456.300.122	-
- Cổ tức được chia	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.517.635.353</b>	-	<b>2.223.861.455</b>	-
Tiền lãi ứng trước	619.430.200	-	619.430.200	-
Tạm ứng	1.625.352.069	-	1.373.391.121	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.272.853.084	-	231.040.134	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.517.635.353</u></b>	-	<b><u>13.680.161.577</u></b>	-

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Alliance Seafood Group - Phải thu tiền hàng	-	-	-	Trên 3 năm	4.467.329.997	-
Montkaura, S.L - Phải thu tiền hàng	-	-	-	Trên 3 năm	4.821.206.720	-
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN - Phải thu tiền hàng	-	-	-	Trên 3 năm	2.519.193.600	-
Kanpa International Sales - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	1.644.912.375	1.151.438.662	-	-	-
Promark F.Z.E (Promark General Trading) - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	1.221.507.510	855.055.257	-	-	-
Phải thu các tổ chức khác - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	2.336.043.419	1.489.770.450	Trên 3 năm	741.492.719	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Trả trước người bán	Từ 1 năm đến trên 3 năm	1.077.385.434	1.077.385.434		1.070.565.120	1.070.565.120
Phải thu các cá nhân khác - Phải thu khác	Trên 3 năm	45.951.010	45.951.010	Trên 3 năm	622.930.200	622.930.200
<b>Cộng</b>		<b>6.325.799.748</b>	<b>4.619.600.813</b>		<b>14.242.718.356</b>	<b>1.693.495.320</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.549.223.036	12.402.559.997
Trích lập dự phòng bổ sung	1.468.523.213	146.663.039
Xóa nợ	(12.311.547.314)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.706.198.935</b>	<b>12.549.223.036</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.769.565.595	-	49.517.855.321	-
Công cụ, dụng cụ	6.015.905.649	-	4.220.044.746	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	78.302.568.507	-	48.772.940.744	-
Thành phẩm	127.255.997.635	-	231.937.739.232	-
Hàng gửi đi bán	-	-	831.492.852	-
<b>Cộng</b>	<b>247.344.037.386</b>	<b>-</b>	<b>335.280.072.895</b>	<b>-</b>

Một số nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm tồn kho có tổng giá trị ghi sổ là 119.696.293.721 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	452.166.813	636.924.756
Chi phí sửa chữa	595.494.653	93.397.792
<b>Cộng</b>	<b><u>1.047.661.466</u></b>	<b><u>730.322.548</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.894.014.527	2.025.736.379
Chi phí sửa chữa	4.294.931.095	3.410.754.176
Chi phí lắp đặt	728.851.282	1.591.174.077
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	37.272.732	80.113.628
<b>Cộng</b>	<b><u>6.955.069.636</u></b>	<b><u>7.107.778.260</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	123.590.695.155	227.026.328.018	3.519.287.425	1.565.628.890	355.701.939.488
Mua trong năm	122.909.091	3.903.030.273	-	-	4.025.939.364
Xây dựng cơ bản hoàn thành	671.949.091	9.817.939.824	-	-	10.489.888.915
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>124.385.553.337</u></b>	<b><u>240.747.298.115</u></b>	<b><u>3.519.287.425</u></b>	<b><u>1.565.628.890</u></b>	<b><u>370.217.767.767</u></b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.593.904.690	27.874.701.024	1.885.063.266	330.664.552	46.684.333.532
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	48.365.824.954	92.401.290.443	2.632.714.283	931.050.680	144.330.880.360
Khấu hao trong năm	7.982.513.071	18.699.607.235	287.308.732	177.102.102	27.146.531.140
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>56.348.338.025</u></b>	<b><u>111.100.897.678</u></b>	<b><u>2.920.023.015</u></b>	<b><u>1.108.152.782</u></b>	<b><u>171.477.411.500</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	75.224.870.201	134.625.037.575	886.573.142	634.578.210	211.371.059.128
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>68.037.215.312</u></b>	<b><u>129.646.400.437</u></b>	<b><u>599.264.410</u></b>	<b><u>457.476.108</u></b>	<b><u>198.740.356.267</u></b>
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 172.586.767.411 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	58.461.610.862	317.800.000	58.779.410.862
Số cuối năm	<u>58.461.610.862</u>	<u>317.800.000</u>	<u>58.779.410.862</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	12.904.900.248	174.976.681	13.079.876.929
Khấu hao trong năm	1.970.815.080	63.560.004	2.034.375.084
Số cuối năm	<u>14.875.715.328</u>	<u>238.536.685</u>	<u>15.114.252.013</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	45.556.710.614	142.823.319	45.699.533.933
Số cuối năm	<u>43.585.895.534</u>	<u>79.263.315</u>	<u>43.665.158.849</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 32.229.872.203 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Quyền khai thác đất bãi bồi vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng	1.744.787.500	-	-	-	1.744.787.500
- Chi phí sửa hầm vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng	-	657.314.000	-	(657.314.000)	-
- Phân xưởng 1	-	1.043.847.150	(482.987.400)	(462.284.400)	98.575.350
- Hệ thống BC.IQF 750kg/h	-	10.006.901.515	(10.006.901.515)	-	-
- Các công trình khác	4.391.339.714	-	-	-	4.391.339.714
<b>Cộng</b>	<u>6.136.127.214</u>	<u>11.708.062.665</u>	<u>(10.489.888.915)</u>	<u>(1.119.598.400)</u>	<u>6.234.702.564</u>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	749.745.805	926.655.722
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(14.445.602)	(176.909.917)
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(92.914.530)	(456.809.173)
Số cuối năm	<u>642.385.673</u>	<u>292.936.632</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam	-	1.136.870.700
Công ty TNHH Minh Phát Cà Mau	-	2.812.150.000
Công ty Cổ phần Chế biến và Dịch vụ Thủy sản Cà Mau	2.082.564.900	2.039.911.892
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	512.576.304	579.479.168
Bà Lê Thị Ngọc Yến	8.752.791.600	-
Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Công nghiệp Tân Á	1.932.355.095	985.407.500
Các nhà cung cấp khác	14.622.849.679	12.629.242.198
<b>Cộng</b>	<b>27.903.137.578</b>	<b>20.183.061.458</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Chongqing Guanlei Shuichan Co.LTD	1.064.591.000	1.064.591.000
Shanghai Bay Aquatic I	1.103.461.240	1.103.461.240
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nguyệt Trang	-	995.360.928
Các khách hàng khác	5.277.331.361	1.868.325.317
<b>Cộng</b>	<b>7.445.383.601</b>	<b>5.031.738.485</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	312.231.068	(312.231.068)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.117.554.344	(1.117.554.344)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	138.474.454	1.493.100.181	(618.570.289)	736.055.438	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.895.874	-	96.552.396	(96.411.309)	7.036.961	-
Thuế tài nguyên	-	-	50.758.135	(50.947.335)	-	189.200
Tiền thuế đất	-	-	15.336.797	(15.336.797)	-	-
Các loại thuế khác	1.632.960	-	3.000.000	(4.632.960)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.528.834</b>	<b>138.474.454</b>	<b>3.088.532.921</b>	<b>(2.215.684.102)</b>	<b>743.092.399</b>	<b>189.200</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thành phẩm xuất khẩu	0%
Thành phẩm tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%
Dịch vụ	10%

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản theo thuế suất 10% ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và thuế suất 15% không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 02 dự án được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2015 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 01 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2016 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thức ăn thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2017 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.587.472.569	24.149.737.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.297.574.992	8.808.731.442
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(4.998.305.367)</u>	<u>(8.239.727.486)</u>
Thu nhập chịu thuế	23.886.742.194	24.718.741.476
Thu nhập được miễn thuế	-	(7.000.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>23.886.742.194</u>	<u>17.718.741.476</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	4.777.348.439	3.543.748.295
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(1.258.564.087)	(243.302.473)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(2.033.552.071)	(2.935.492.114)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	1.485.232.281	364.953.708
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước <sup>(*)</sup></i>	7.867.900	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.493.100.181</b>	<b>364.953.708</b>

(\*) Công ty phải nộp bổ sung thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2016 theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh An Giang ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 5.000 VND/m<sup>3</sup>.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m<sup>2</sup>/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m<sup>2</sup> tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và tháng 13 năm 2017 còn phải trả cho người lao động.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lưu kho	-	187.909.117
Chi phí lãi vay	617.758.336	831.314.629
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	2.117.597.920	1.683.950.611
Chi phí vận chuyển	1.741.579.317	1.624.024.936
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	322.530.543	671.106.074
<b>Cộng</b>	<b>4.799.466.116</b>	<b>4.998.305.367</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.058.641.688	1.949.219.945
Bảo hiểm xã hội	-	379.157.348
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	97.260.131	105.432.821
<b>Cộng</b>	<b>2.155.901.819</b>	<b>2.433.810.114</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vay****20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	547.185.443.585	592.118.599.398
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang <sup>(i)</sup>	14.380.157.911	31.337.937.306
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(ii)</sup>	255.234.432.284	286.639.138.492
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) <sup>(iii)</sup>	34.100.000.000	52.400.000.000
- Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(iv)</sup>	39.007.675.000	26.299.660.000
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(v)</sup>	96.367.651.440	91.669.586.720
- Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(vi)</sup>	53.032.000.000	57.000.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(vii)</sup>	9.300.000.000	24.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang <sup>(viii)</sup>	45.763.526.950	-
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	22.172.276.880
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	8.540.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>555.725.443.585</b>	<b>599.118.599.398</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh chế biến thủy sản, xuất khẩu cá tra fillet, nuôi cá tra hầm và chế biến thức ăn thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, bao thanh toán, chiết khấu có truy đòi hồi phiếu đòi nợ, tài trợ vốn thực hiện hợp đồng xuất khẩu với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.3 và V.10).
- (iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động gồm: nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy sản và chế biến thức ăn với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng đối sản xuất, chế biến cá và 9 tháng đối với nuôi trồng và chế biến thức ăn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3, V.8, V.10 và V.11).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3 và V.8).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cá tra xuất khẩu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu (xem thuyết minh số V.3).
- (viii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	592.118.599.398	1.370.510.300.503	-	56.735.000	(1.415.500.191.316)	547.185.443.585
Vay dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000	-	8.540.000.000	-	(7.000.000.000)	8.540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>599.118.599.398</b>	<b>1.370.510.300.503</b>	<b>8.540.000.000</b>	<b>56.735.000</b>	<b>(1.422.500.191.316)</b>	<b>555.725.443.585</b>

### 20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn các bên liên quan</b>	<b>22.700.000.000</b>	<b>34.400.000.000</b>
- Vay Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích <sup>(i)</sup>	8.200.000.000	-
- Vay Ông Trần Tuấn Khanh <sup>(i)</sup>	4.000.000.000	7.200.000.000
- Vay Ông Trần Tuấn Nam <sup>(i)</sup>	4.000.000.000	7.200.000.000
- Vay Bà Trần Thị Vân Loan <sup>(i)</sup>	6.500.000.000	20.000.000.000
<b>Vay dài hạn các tổ chức khác</b>	<b>10.174.133.261</b>	<b>15.818.087.251</b>
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang <sup>(ii)</sup>	8.818.087.251	15.818.087.251
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang <sup>(iii)</sup>	1.356.046.010	-
<b>Cộng</b>	<b>32.874.133.261</b>	<b>50.218.087.251</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra hầm với lãi suất theo thỏa thuận nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay 02 năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí của “Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang - giai đoạn 2” với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 34 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	18.714.133.261	8.540.000.000	10.174.133.261	-
Vay dài hạn các cá nhân	22.700.000.000	-	22.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.414.133.261</b>	<b>8.540.000.000</b>	<b>32.874.133.261</b>	<b>-</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	22.818.087.251	7.000.000.000	15.818.087.251	-
Vay dài hạn các cá nhân	34.400.000.000	-	34.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>57.218.087.251</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>50.218.087.251</b>	<b>-</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	15.818.087.251	3.666.046.010	(770.000.000)	(8.540.000.000)	10.174.133.261
Vay dài hạn các cá nhân	34.400.000.000	8.200.000.000	(19.900.000.000)	-	22.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.218.087.251</b>	<b>11.866.046.010</b>	<b>(20.670.000.000)</b>	<b>(8.540.000.000)</b>	<b>32.874.133.261</b>

**20c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ phúc lợi	1.513.326.826	(1.211.467.699)	301.859.127
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	515.417.301	(515.417.301)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.028.744.127</b>	<b>(1.726.885.000)</b>	<b>301.859.127</b>

**22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	456.809.173	412.800.749
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(363.894.643)	44.008.424
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(92.914.530)	(456.809.173)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 15%).

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trần Văn Nhân	-	10.524.370.000
Trần Thị Vân Loan	114.545.230.000	75.784.390.000
Trần Tuấn Khanh	10.794.360.000	10.794.360.000
Các cổ đông khác	102.657.160.000	130.893.630.000
<b>Cộng</b>	<b>227.996.750.000</b>	<b>227.996.750.000</b>

#### 23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.799.675	22.799.675
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	22.799.675	22.799.675
- Cổ phiếu phổ thông	22.799.675	22.799.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.799.675	22.799.675
- Cổ phiếu phổ thông	22.799.675	22.799.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 23d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2017 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, đã thông qua việc giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 để cân đối nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh và giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 (nếu có) để tăng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	296.845.500	296.845.500
Trên 01 năm đến 05 năm	1.187.382.000	1.187.382.000
Trên 05 năm	10.399.143.125	10.695.988.625
<b>Cộng</b>	<b>11.883.370.625</b>	<b>12.180.216.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang công bố.

**24b. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	274.609,58	435.163,28
Euro (EUR)	228,71	229,20
Nhân dân tệ (CNY)	5.335,00	5.335,00

**24c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
	VND	VND	Nguyên nhân xóa sổ
Alliance Seafood Group	4.456.515.598	-	Đã quá hạn trên 3 năm khách hàng không thanh toán
Montkaura, S.L	4.809.535.666	-	
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN	2.513.095.200	-	
Wilbo S.A	532.400.850	-	
<b>Cộng</b>	<b>12.311.547.314</b>	<b>-</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.003.840.042.186	1.058.719.474.055
Doanh thu bán phụ phẩm	81.818.101.174	151.822.966.470
<b>Cộng</b>	<b>1.085.658.143.360</b>	<b>1.210.542.440.525</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Bán thức ăn	16.738.000.000	18.324.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long</b>		
Bán phụ phẩm	-	158.582.300

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	617.500.000	727.250.000
Hàng bán bị trả lại	1.781.557.500	431.747.000
Giảm giá hàng bán	272.442.564	948.602.380
<b>Cộng</b>	<b><u>2.671.500.064</u></b>	<b><u>2.107.599.380</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	944.071.430.113	1.063.411.205.818
<b>Cộng</b>	<b><u>944.071.430.113</u></b>	<b><u>1.063.411.205.818</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	79.971.917	77.871.752
Lãi cho vay	7.316.045.310	6.482.848.735
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.000.000.000
Lãi bán ngoại tệ	1.106.787.000	1.176.055.525
Lãi trả chậm	1.036.611.825	1.060.569.601
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	715.967.557	1.974.773.971
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.861.914.768
<b>Cộng</b>	<b><u>10.255.383.609</u></b>	<b><u>19.634.034.352</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	42.047.372.035	48.309.728.251
Chiết khấu thanh toán	20.000.000	-
Lỗ bán ngoại tệ	110.490.000	52.026.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	926.368.391	2.063.634.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	158.631.307	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	25.094.068
<b>Cộng</b>	<b><u>43.262.861.733</u></b>	<b><u>50.450.482.915</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	24.797.189.779	26.262.989.738
Phí kiểm nghiệm, phí vi sinh	3.664.053.806	5.308.562.148
Phí vận chuyển	23.772.694.536	23.861.883.997
Các chi phí khác	4.401.797.938	4.633.881.430
<b>Cộng</b>	<b><u>56.635.736.059</u></b>	<b><u>60.067.317.313</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.166.195.583	16.575.333.379
Chi phí đồ dùng văn phòng	347.335.917	458.452.565
Chi phí khấu hao tài sản cố định	707.803.738	778.696.524
Thuế, phí và lệ phí	652.443.859	697.973.177
Dự phòng phải thu khó đòi	1.468.523.213	146.663.039
Phí chứng từ	5.808.053.305	5.514.098.899
Các chi phí khác	3.250.560.264	4.291.516.355
<b>Cộng</b>	<b><u>29.400.915.879</u></b>	<b><u>28.462.733.938</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bồi thường	187.719.414	2.095.000
Thu nhập từ thu hồi phí hoa hồng	-	950.000
Chênh lệch thanh toán	843.675	745.250
Nhập kho hàng thừa	28.102.500	-
Thu nhập khác	810.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>217.475.589</u></b>	<b><u>3.790.250</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi hỗ trợ	109.295.681	82.266.758
Chi mua quà biếu	248.465.741	273.744.273
Chi nộp phạt	22.558.995	123.167.555
Tiền thuế chống bán phá giá vào thị trường Mỹ	-	514.828.251
Tiền thuê đất bị truy thu	-	348.610.500
Các chi phí khác	120.765.724	188.570.906
<b>Cộng</b>	<b><u>501.086.141</u></b>	<b><u>1.531.188.243</u></b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	44.008.424
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.445.602	176.909.917
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(363.894.643)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(349.449.041)</u></b>	<b><u>220.918.341</u></b>

**11. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

15-C  
 TY  
 HỮU HẠN  
 TƯ VẤN  
 C  
 ĐỒ CHỮ

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	710.848.544.007	880.563.642.468
Chi phí nhân công	125.105.000.417	169.616.275.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.180.906.224	28.536.266.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.559.236.707	87.027.724.184
Chi phí khác	10.430.788.010	10.027.793.970
<b>Cộng</b>	<b><u>954.124.475.365</u></b>	<b><u>1.175.771.703.112</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 10 (POR 10 từ ngày 01 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,97 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 29 tháng 3 năm 2016, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 11 (POR 11 từ ngày 01 tháng 8 năm 2013 đến ngày 31 tháng 7 năm 2014) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,69 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Vay	8.200.000.000	20.000.000.000
Trả nợ vay	(16.700.000.000)	-
Góp vốn từ hoán đổi nợ vay	-	32.400.000.000
<b>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Mua cá nguyên liệu	15.285.021.500	9.858.953.385
Trả nợ vay	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Góp vốn từ hoán đổi nợ vay	-	7.200.000.000

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận do Công ty công bố trừ đi khoản chiết khấu. Việc mua thành phẩm, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.20b.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	930.780.000	1.259.548.538
Phụ cấp	866.420.000	657.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.797.200.000</b>	<b>1.916.548.538</b>

### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Mỹ

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Công ty có quan hệ mật thiết với  
Tổng Giám đốc  
Công ty có quan hệ mật thiết với  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố trừ đi khoản chiết khấu. Việc mua thành phẩm, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### **3. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

#### **3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến thức ăn và cá tra fillet đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

#### **3b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	380.910.184.019	537.614.269.900
Nước ngoài	702.076.459.277	670.820.571.245
<b>Cộng</b>	<b>1.082.986.643.296</b>	<b>1.208.434.841.145</b>

### **4. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### **4a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.237.541.642	-	-	-	47.237.541.642
Phải thu khách hàng	221.534.347.101	-	-	5.202.463.304	226.736.810.405
Các khoản cho vay	90.070.770.036	-	-	-	90.070.770.036
Các khoản phải thu khác	9.095.647.274	-	45.951.010	-	9.141.598.284
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>367.938.306.053</b>	<b>-</b>	<b>45.951.010</b>	<b>8.802.463.304</b>	<b>376.786.720.367</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.803.065.481	-	-	-	32.803.065.481
Phải thu khách hàng	178.713.879.737	-	-	12.549.223.036	191.263.102.773
Các khoản cho vay	87.990.632.434	-	-	-	87.990.632.434
Các khoản phải thu khác	11.933.705.256	-	622.930.200	-	12.556.635.456
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>311.441.282.908</b>	<b>-</b>	<b>622.930.200</b>	<b>16.149.223.036</b>	<b>328.213.436.144</b>

#### 4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	27.903.137.578	-	-	27.903.137.578
Vay và nợ	555.725.443.585	32.874.133.261	-	588.599.576.846
Các khoản phải trả khác	4.896.726.247	-	-	4.896.726.247
<b>Cộng</b>	<b>588.525.307.410</b>	<b>32.874.133.261</b>	-	<b>621.399.440.671</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	20.183.061.458	-	-	20.183.061.458
Vay và nợ	599.118.599.398	50.218.087.251	-	649.336.686.649
Các khoản phải trả khác	5.103.738.188	-	-	5.103.738.188
<b>Cộng</b>	<b>624.405.399.044</b>	<b>50.218.087.251</b>	-	<b>674.623.486.295</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.609,58	228,71	5.335,00	435.163,28	229,20	5.335,0
Phải thu khách hàng	8.640.950,36	-	1.645.874,50	7.631.568,11	-	-
Các khoản phải thu khác	11.000,00	-	-	11.000,00	-	-
Phải trả người bán	(18.255,10)	-	-	(18.255,10)	-	-
Vay và nợ	(1.715.000,00)	-	-	(1.154.000,00)	-	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>7.193.304,84</b>	<b>228,71</b>	<b>1.651.209,50</b>	<b>6.905.476,29</b>	<b>229,20</b>	<b>5.335,0</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 2.771.616.321 VND (năm trước tăng/giảm 2.667.171.163 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 516.717.768.585 VND và 1.715.000 USD (số đầu năm là 572.818.939.398 VND và 1.154.000 USD).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 10.334.355.372 VND (năm trước giảm/tăng 11.456.378.788 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 388.704.750 VND (năm trước giảm/tăng 262.188.800 VND).

### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### 4d. Tài sản đảm bảo

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 226.736.810.405 VND (số đầu năm là 191.263.102.773 VND).

*Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017.

#### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.237.541.642	-	32.803.065.481	-	47.237.541.642	32.803.065.481
Phải thu khách hàng	226.736.810.405	(1.706.198.935)	191.263.102.773	(12.549.223.036)	225.030.611.470	178.713.879.737
Các khoản cho vay	90.070.770.036	-	87.990.632.434	-	90.070.770.036	87.990.632.434
Các khoản phải thu khác	9.141.598.284	-	12.556.635.456	-	9.141.598.284	12.556.635.456
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	(2.003.536.957)	3.600.000.000	(2.003.536.957)	1.596.463.043	1.596.463.043
<b>Cộng</b>	<b>376.786.720.367</b>	<b>(3.709.735.892)</b>	<b>328.213.436.144</b>	<b>(14.552.759.993)</b>	<b>373.076.984.475</b>	<b>313.660.676.151</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	27.903.137.578	20.183.061.458	27.903.137.578
Vay và nợ	588.599.576.846	649.336.686.649	588.599.576.846	649.336.686.649
Các khoản phải trả khác	4.896.726.247	5.103.738.188	4.896.726.247	5.103.738.188
<b>Cộng</b>	<b>621.399.440.671</b>	<b>674.623.486.295</b>	<b>621.399.440.671</b>	<b>674.623.486.295</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

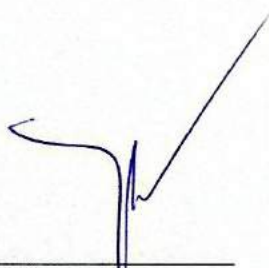
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

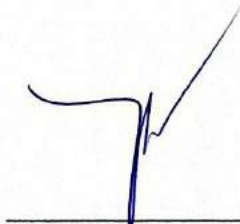
Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.




Trương Minh Duy  
Người lập biểu



Trương Minh Duy  
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2018



Trần Thị Vân Loan  
Tổng Giám đốc

04498  
ÔNG T  
NHIỆM H  
OÀN VÀ  
I &  
Y-T.P

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	13.724.355.427	70.406.344.874	288.047.674.501
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	23.563.865.471	23.563.865.471
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(11.039.805.000)	(11.039.805.000)
Phát hành cổ phiếu chuyển đổi	44.000.000.000	(4.400.000.000)	-	-	39.600.000.000
Số dư cuối năm trước	227.996.750.000	15.520.224.200	13.724.355.427	82.930.405.345	340.171.734.972
Số dư đầu năm nay	227.996.750.000	15.520.224.200	13.724.355.427	82.930.405.345	340.171.734.972
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	18.443.821.429	18.443.821.429
Số dư cuối năm nay	227.996.750.000	15.520.224.200	13.724.355.427	101.374.226.774	358.615.556.401

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2018



*(Handwritten signature)*

Trần Thị Vân Loan  
Tổng Giám đốc

*(Handwritten signature)*

Trương Minh Duy  
Kế toán trưởng



Trương Minh Duy  
Người lập